

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực
Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước
của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục **21 (Hai mươi một)** thủ tục hành chính trong lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long, cụ thể như sau:

1. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

Chuẩn hóa: 18 (Mười tám) thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh Vĩnh Long công bố tại Quyết định số 2377/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2021; Quyết định số 2027/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2022; Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2023; Quyết định số 2474/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2023; Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 15

tháng 11 năm 2023; Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2024; Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2024; Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2024.

2. Thủ tục hành chính cấp huyện

Chuẩn hóa: 02 (Hai) thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh Vĩnh Long công bố tại Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2024.

3. Thủ tục hành chính cấp xã

Chuẩn hóa: 01 (Một) thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh Vĩnh Long công bố tại Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2024.

(Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Công khai đầy đủ danh mục, nội dung các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

- Căn cứ cách thức thực hiện của thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này bổ sung vào Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính; Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Tổ chức thực hiện đúng nội dung các thủ tục hành chính được công bố kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các quyết định:

- Các nội dung quy định tại số thứ tự 1, 6 Phần I và Phần II, Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2377/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc công bố chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Long;

- Quyết định số 2027/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Long;

- Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc công bố danh mục thủ tục hành chính

sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Long;

- Quyết định số 2474/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Trồng trọt thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Long;

- Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Long;

- Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Long;

- Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Long;

- Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Long.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC;
- Phòng KT-NV;
- Lưu: VT, 06.PVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phụ lục

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH VĨNH LONG**

(Kèm theo Quyết định số 772/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Phê duyệt quy trình nội bộ
I. CẤP TỈNH							
LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT							
1	1.004493.00 0.00.00.H61	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)	07 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ (cắt giảm 03 ngày làm việc so với quy định)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh (địa chỉ https://dichvucong.vinhlong.gov.vn). Cơ quan giải quyết: Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật.	600.000 đồng/hồ sơ/lần	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13; - Căn cứ Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật; - Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.	Quyết định số 131/QĐ-UBND, ngày 24/01/2024
2	1.004363.00 0.00.00.H61	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện	- Trường hợp kết quả đánh giá đạt	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm	800.000 đồng/lần	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13;	Quyết định số 131/QĐ-

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Phê duyệt quy trình nội bộ
		buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	yêu cầu: 13 ngày làm việc (cắt giảm 03 ngày làm việc so với quy định); - Trường hợp kết quả đánh giá chưa đạt yêu cầu: 74 ngày làm việc.	Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh (địa chỉ https://dichvucong.vinhlong.gov.vn). Cơ quan giải quyết: Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật.		- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính Phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật; - Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật; - Thông tư số 11/2022TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn sửa	UBND, ngày 24/01/2024

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Phê duyệt quy trình nội bộ
						đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật.	
3	1.004346.00 0.00.00.H61	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	- Trường hợp kết quả đánh giá đạt yêu cầu, 16 ngày làm việc; - Trường hợp kết quả đánh giá chưa đạt yêu cầu, 74 ngày làm việc.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh (địa chỉ https://dichvucong.vinhlong.gov.vn). Cơ quan giải quyết: Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật.	800.000 đồng/lần	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25/11/2013. - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật. - Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm	Quyết định số 2027/QĐ-UBND, ngày 30/9/2022

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Phê duyệt quy trình nội bộ
						dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp. - Thông tư số 11/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật.	
4	1.003984.00 0.00.00.H61	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	Trong vòng 24 giờ kể từ khi bắt đầu kiểm dịch	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh (địa chỉ https://dichvucong.vinhlong.gov.vn). Cơ quan giải quyết: Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật.	Không	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật; - Thông tư 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch thực vật nội địa; - Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.	Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2021
5	1.007931.00 0.00.00.H61	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, không tính thời gian khắc phục (nếu có) của tổ	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công tỉnh	500.000 đồng/ 01 cơ sở/lần.	- Luật Trồng trọt năm 2018; - Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón; - Nghị định số 130/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm	Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2021

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Phê duyệt quy trình nội bộ
			chức, cá nhân.	Vĩnh Long (địa chỉ: https://dichvucong.vinhlong.gov.vn). - Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.		2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón, Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt và giống cây trồng và canh tác; - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.	
6	1.007932.00 0.00.00.H61	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	- 13 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ,	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: https://dichvucong.vinhlong.gov.vn). - Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ	200.000 đồng/ 01 cơ sở/lần.	- Luật Trồng trọt năm 2018; - Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón; - Nghị định số 130/2022/NĐ-CP, ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14	Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2021

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Phê duyệt quy trình nội bộ
			không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân). - 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).	thực vật.		tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón, Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt và giống cây trồng và canh tác; - Thông tư số 14/2018/TT-BTC, ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.	

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Phê duyệt quy trình nội bộ
7	1.007933.00 0.00.00.H61	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: số 12C đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh (địa chỉ: https://dichvucong.vinhlong.gov.vn) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long; b) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.	Chưa quy định	+ Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018; + Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ về quản lý phân bón.	Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 29/7/2021
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT							
1	1.008003.00 0.00.00.H61	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	- Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: Thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ:	Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng: 2.000.000 đồng/lần bình tuyển, công nhận.	- Luật Trồng trọt năm 2018; - Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt và canh tác; - Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐNHD ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh	Quyết định số 586/QĐ-UBND, ngày 28/3/2024

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Phê duyệt quy trình nội bộ
			- Phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: Thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở.	https://dichvucong.vinhlong.gov.vn). Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: - Cơ quan có thẩm quyền theo quy định: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long; - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Vĩnh Long.	* Ghi chú: Quy định miễn, giảm 50% phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long.	Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định miễn, giảm phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.	
2	1.012075.H61	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh địa chỉ https://dichvucong.vinhlong.gov.vn). Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	Không	Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.	Quyết định số 403/QĐ-UBND, ngày 06/03/2024

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Phê duyệt quy trình nội bộ
				nhiệm vụ khoa học và công nghệ (UBND tỉnh đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được giao quản lý; nhiệm vụ khoa học và công nghệ do UBND tỉnh phê duyệt hoặc cơ quan, tổ chức đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ do mình phê duyệt .			
3	1.012074.H6 1	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.	24 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh địa chỉ https://dichvucong.vinhlong.gov.vn). Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Đại diện chủ sở hữu nhà nước (Chủ tịch UBND tỉnh đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được giao quản lý; nhiệm vụ khoa học và công nghệ do UBND tỉnh phê duyệt hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ do mình phê duyệt).	Không	Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.	Quyết định số 403/QĐ-UBND, ngày 06/03/2024
4	1.012004.H6 1	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với	- Quyết định Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức	- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính	Không	Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều	Quyết định số 2709/QĐ-UBND, ngày

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Phê duyệt quy trình nội bộ
		giống cây trồng	giám định quyền đối với giống cây trồng: 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.	công tỉnh địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long địa chỉ: https://dichvucong.vinhlong.gov.vn). - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: + Cơ quan có thẩm quyền theo quy định: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long; + Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.		và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.	29/11/2023
5	1.012003.H61	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	Quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng: 01 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long địa chỉ:	Không	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ năm 2022; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở	Quyết định số 2709/QĐ-UBND, ngày 29/11/2023

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Phê duyệt quy trình nội bộ
				https://dichvucong.vinhlong.gov.vn). - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: + Cơ quan có thẩm quyền theo quy định: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long; + Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường Vĩnh Long.		hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.	
6	1.012002.H61	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	- Quyết định cấp lại thẻ giám định viên: 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gây ra: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của người được cấp thẻ.	- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long địa chỉ: https://dichvucong.vinhlong.gov.vn). - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: + Cơ quan có thẩm quyền theo quy định: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long; + Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường Vĩnh Long.	Không	Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.	Quyết định số 2709/QĐ-UBND, ngày 29/11/2023
7	1.012001.H6	Cấp Thẻ giám định	Quyết định cấp	- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ năm	Quyết định số

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Phê duyệt quy trình nội bộ
	1	viên quyền đối với giống cây trồng	Thẻ giám định viên: Thời gian 01 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long địa chỉ: https://dichvucong.vinhlong.gov.vn). - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: + Cơ quan có thẩm quyền theo quy định: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long; + Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường Vĩnh Long.		2005; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.	2709/QĐ-UBND, ngày 29/11/2023
8	1.012000.H61	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Kể từ ngày nhận được yêu cầu thu hồi đến khi tổ chức được cấp Giấy chứng nhận có ý kiến: 02 tháng.	- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long địa chỉ: https://dichvucong.vinhlong.gov.vn). - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: + Cơ quan có thẩm quyền theo quy	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.	Quyết định số 2709/QĐ-UBND, ngày 29/11/2023

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Phê duyệt quy trình nội bộ
				định: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long; + Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường Vĩnh Long.			
9	1.011999.H61	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Kể từ ngày nhận được yêu cầu thu hồi đến khi người được cấp Thẻ có ý kiến: 02 tháng	- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long địa chỉ: https://dichvucong.vinhlong.gov.vn). - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: + Cơ quan có thẩm quyền theo quy định: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long; + Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường Vĩnh Long.	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.	Quyết định số 2709/QĐ-UBND, ngày 29/11/2023
10	1.012848.H61	Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công	- Văn bản thông báo xác định số tiền phải nộp gửi người được nhà nước giao đất, cho thuê đất: 12 ngày, kể từ ngày	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục	Không	Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.	Quyết định 2040/QĐ-UBND, ngày 14/10/2024

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Phê duyệt quy trình nội bộ
		trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên	nhận được Bản kê khai hợp lệ. - Nộp tiền tại cơ quan kho bạc: 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan tài chính.	hành chính của tỉnh địa chỉ: https://dichvucong.vinhlong.gov.vn). - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.			
11	1.012847.H61	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên	Ban hành văn bản chấp thuận phương án sử dụng tầng đất mặt: 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh địa chỉ: https://dichvucong.vinhlong.gov.vn). - Cơ quan giải quyết: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.	Không	Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.	Quyết định 2040/QĐ-UBND, ngày 14/10/2024

II. CẤP HUYỆN

LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT

1	1.012849.H61	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện	Ban hành văn bản chấp thuận phương án sử dụng tầng đất mặt: 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận một cửa của cấp huyện hoặc trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh địa chỉ: https://dichvucong.vinhlong.gov.vn). - Cơ quan giải quyết: Ủy ban nhân	Không	Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.	Quyết định 2040/QĐ-UBND, ngày 14/10/2024
---	--------------	--	---	---	-------	--	--

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Phê duyệt quy trình nội bộ
			lệ.	dân cấp huyện.			
2	1.012850.H61	Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện	- Văn bản thông báo xác định số tiền phải nộp gửi người được nhà nước giao đất, cho thuê đất: 12 ngày, kể từ ngày nhận được Bản kê khai hợp lệ. - Nộp tiền tại cơ quan kho bạc: 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan tài chính.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận một của cấp huyện hoặc trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh địa chỉ: https://dichvucong.vinhlong.gov.vn). - Cơ quan giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Không	Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.	Quyết định 2040/QĐ-UBND, ngày 14/10/2024

III. CẤP XÃ

LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT

1	1.008004.000.00.00.H61	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	Ban hành văn bản chấp thuận cho phép chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Người sử dụng đất trồng lúa có nhu cầu chuyển đổi sang trồng cây lâu năm, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử đến Ủy ban nhân dân cấp xã.	Không	Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.	
---	------------------------	--	--	---	-------	--	--

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. CẤP TỈNH

1. Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh) (Mã TTHC: 1.004493.000.00.00.H61)

1.1 Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh (địa chỉ <https://dichvucong.vinhlong.gov.vn>).

Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo địa chỉ nộp hồ sơ ban đầu.

Đối với hồ sơ giải quyết xong trước thời hạn trả kết quả: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp: Từ 07 giờ đến 11 giờ và 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

1.2 Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TTBNNPTNT, ngày 08/6/2015);

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật;

- Sản phẩm quảng cáo (nội dung, hình thức quảng cáo được thể hiện bằng hình ảnh, âm thanh, tiếng nói, chữ viết, biểu tượng, màu sắc, ánh sáng và các hình thức tương tự);

- Danh sách báo cáo viên ghi đầy đủ thông tin về bằng cấp chuyên môn hoặc chức danh khoa học của báo cáo viên (đối với trường hợp hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hoá, thể thao).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

07 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ (cắt giảm 03 ngày làm việc so với quy định). Trường hợp không cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do không cấp.

1.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

1.6 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Vĩnh Long.

1.7 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật.

1.8 Phí, lệ phí: 600.000 đồng/hồ sơ/lần.

1.9 Tên mẫu đơn, tờ khai:

Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TTBNNPTNT ngày 08/6/2015)

1.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13;
- Căn cứ Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo;
- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật;
- Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

Phụ lục XXXIV**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THUỐC
BẢO VỆ THỰC VẬT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015 /TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Tên công ty, doanh nghiệp **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO
THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Vĩnh Long

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo:

.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....Fax:.....E-mail:.....

Số giấy phép hoạt động :.....

Họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm đăng ký hồ sơ:.....

.....

Kính đề nghị Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Vĩnh Long xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với thuốc bảo vệ thực vật sau:

STT	Tên thuốc BVTV	Giấy chứng nhận đăng ký	Phương tiện quảng cáo
1			
...			

Các tài liệu gửi kèm:

1.....

2.....

3.....

Chúng tôi cam kết sẽ quảng cáo đúng nội dung được xác nhận, tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật trên và các quy định khác của pháp luật về quảng cáo. Nếu quảng cáo sai nội dung được xác nhận chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đại diện tổ chức, cá nhân (Ký tên, đóng dấu)

Đại diện tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

2. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Mã TTHC: 1.004363.000.00.00.H61)

2.1 Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh (địa chỉ <https://dichvucong.vinhlong.gov.vn>).

Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo địa chỉ nộp hồ sơ ban đầu.

Đối với hồ sơ giải quyết xong trước thời hạn trả kết quả: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp: Từ 07 giờ đến 11 giờ và 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

2.2 Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

2.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT);

- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp kết quả đánh giá đạt yêu cầu: 13 ngày làm việc (cắt giảm 03 ngày làm việc so với quy định).

- Trường hợp kết quả đánh giá chưa đạt yêu cầu, cơ sở khắc phục: 74 ngày làm việc.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Vĩnh Long.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

2.8. Phí, lệ phí: 800.000 đồng/lần.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT);

- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT- BNNPTNT).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 63 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các điều kiện chi tiết sau:

1. Người trực tiếp quản lý, người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật phải có trình độ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, hóa học, sinh học, nông học hoặc có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật.

2. Địa điểm cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật tách biệt với khu vực dịch vụ ăn uống, trường học, bệnh viện; khi xây dựng phải cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m.

3. Kho thuốc bảo vệ thực vật

a) Đối với cơ sở bán buôn, kho thuốc bảo vệ thực vật phải đảm bảo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5507:2002 Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển;

b) Đối với cơ sở bán lẻ, kho thuốc bảo vệ thực vật phải xây dựng cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m và có kệ kê hàng cao tối thiểu 10 cm so với mặt sàn, cách tường tối thiểu 20 cm.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13;

- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm;

- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính Phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;

- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật;

- Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật;

- Thông tư số 11/2022TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ

tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN
THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

1. Đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Tel: Fax: E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Tel: Fax: E-mail:

Địa điểm sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

Địa điểm nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

Đề nghị Quý cơ quan

☐ Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

- Cơ sở có cửa hàng ☐

- Cơ sở không có cửa hàng ☐

☐ Cấp mới Cấp lại lần thứ

Hồ sơ gửi kèm:

.....

.....

Chúng tôi xin tuân thủ các quy định của pháp luật về sản xuất và buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Đại diện cơ sở

(Ký và ghi rõ họ tên)

MẪU BẢN THUYẾT MINH
ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Kính gửi: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:..... E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

3. Loại hình hoạt động

DN nhà nước ☐

DN liên doanh với nước ngoài ☐

DN tư nhân ☐

DN 100% vốn nước ngoài ☐

DN cổ phần ☐

Hộ buôn bán ☐

Khác: (ghi rõ loại hình) ☐

.....

4. Năm bắt đầu hoạt động:

5. Số đăng ký/ngày cấp/cơ quan cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

.....

II. THÔNG TIN VỀ HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

1. Cửa hàng (áp dụng đối với cơ sở có cửa hàng)

- Diện tích cửa hàng:m²

- Diện tích/công suất khu vực chứa/ kho chứa hàng hóa: m² hoặc
 tấn

- Danh mục các trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ:

2. Nhân lực:

Danh sách nhân lực, trong đó:

- Chủ cơ sở và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật có trình độ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học hoặc Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư này (*Ghi rõ tên loại văn bằng, giấy chứng nhận; ngày cấp; thời hạn hiệu lực; tên cơ quan cấp; tên người được cấp*).
- Chứng nhận sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật theo quy định của Bộ Y tế (*Ghi rõ ngày cấp; tên cơ quan cấp; tên người được cấp*).
- Những thông tin khác.

3. Nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật

☐ Có (tiếp tục khai báo mục 3.1)

☐ Không (tiếp tục khai báo mục 3.2)

3.1. Nếu có, cung cấp các thông tin sau:

Nơi chứa thuốc: từ 5000 kg trở lên ☐ dưới 5000 kg ☐

Kích thước kho: chiều dài (m): chiều rộng (m): chiều cao:

Thông tin về nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

a) Tên người đại diện:

Địa chỉ:

Điện thoại: Mobile: Fax: E-mail:

b) Trạm cấp cứu gần nhất:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

c) Đơn vị cứu hỏa gần nhất (km):

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

d) Đồn cảnh sát gần nhất:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

đ) Tên khu dân cư gần nhất:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

3.2. Nếu không có kho riêng, nêu tên những đơn vị mà cơ sở có hợp đồng thuê kho (kèm hợp đồng thuê kho):

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN*(Ký tên, đóng dấu nếu có)***MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN****ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT***(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG
CHI CỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN**ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Số:.....

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Tên đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

hoặc

Chủ cơ sở:

Số chứng minh nhân dân số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại: Fax:

Địa điểm cửa hàng buôn bán:

Được công nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày.....tháng....năm....

....., ngày ... tháng ... năm.....

CHI CỤC TRƯỞNG

3. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Mã TTHC: 1.004346.000.00.00.H61)

3.1 Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định pháp luật.

Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ <https://dichvucong.vinhlong.gov.vn>).

Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo địa chỉ nộp hồ sơ ban đầu.

Đối với hồ sơ giải quyết xong trước thời hạn trả kết quả: Liên hệ đề cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp: Từ 07 giờ đến 11 giờ và 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

3.2 Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

3.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT);

+ Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4 Thời hạn giải quyết:

* Trường hợp kết quả đánh giá đạt yêu cầu, 16 ngày làm việc, cụ thể:

- Công chức Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp nhận và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ: 01 ngày làm việc.

- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận và giải quyết hồ sơ: 14 ngày, trong đó:

+ Thẩm định hồ sơ: 03 ngày làm việc;

+ Thành lập đoàn đánh giá: 05 ngày làm việc;

+ Đánh giá tại cơ sở: 01 ngày làm việc;

+ Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá thực tế.

- Công chức Trung tâm Phục vụ hành chính công trả kết quả trong thời hạn 01 ngày làm việc.

* Trường hợp kết quả đánh giá chưa đạt yêu cầu, cơ sở khắc phục, thời gian 74 ngày làm việc, bao gồm:

- Công chức Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp nhận và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ: 01 ngày làm việc.

- Chi cục TT&BVTV tiếp nhận và giải quyết hồ sơ: 72 ngày làm việc, bao gồm:

+ Thẩm định hồ sơ: 03 ngày làm việc;

+ Thành lập đoàn đánh giá: 05 ngày làm việc;

+ Đánh giá tại cơ sở: 01 ngày làm việc;

+ Cơ sở chưa đủ điều kiện, thời gian khắc phục: 60 ngày;

+ Cấp giấy chứng nhận cho cơ sở hoàn thành khắc phục: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo khắc phục hoặc kết quả kiểm tra lại (khi cần thiết).

- Công chức Trung tâm Phục vụ hành chính công trả kết quả trong thời hạn 01 ngày làm việc.

* Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3.5 Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

3.6 Cơ quan thực hiện TTHC: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Vĩnh Long.

3.7 Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

3.8 Phí: 800.000 đồng/lần.

3.9 Tên mẫu đơn, tờ khai:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT);

+ Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

3.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Trước 03 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận và phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

1. Chủ cơ sở buôn bán thuốc hoặc người trực tiếp quản lý và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật phải có trình độ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, hóa học, sinh học, nông học hoặc có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật.

2. Địa điểm cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật tách biệt với khu vực dịch vụ ăn uống, trường học, bệnh viện; khi xây dựng phải cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m.

3. Kho thuốc bảo vệ thực vật

a) Đối với cơ sở bán buôn, kho thuốc bảo vệ thực vật phải đảm bảo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5507:2002 Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển;

b) Đối với cơ sở bán lẻ, kho thuốc bảo vệ thực vật phải xây dựng cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m và có kệ kê hàng cao tối thiểu 10 cm so với mặt sàn, cách tường tối thiểu 20 cm.

3.11 Căn cứ pháp lý của TTHC:

+ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25/11/2013;

+ Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm;

+ Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính Phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

+ Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật;

+ Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

+ Thông tư số 11/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN
THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

1. Đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Tel: Fax:..... E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Tel: Fax:..... E-mail:

Địa điểm sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

Địa điểm nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

Đề nghị Quý cơ quan

☐ Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

- Cơ sở có cửa hàng ☐

- Cơ sở không có cửa hàng ☐

☐ Cấp mới Cấp lại lần thứ

Hồ sơ gửi kèm:

.....

.....

Chúng tôi xin tuân thủ các quy định của pháp luật về sản xuất và buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Đại diện cơ sở

(Ký và ghi rõ họ tên)

MẪU BẢN THUYẾT MINH
ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Kính gửi: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

3. Loại hình hoạt động

DN nhà nước ☐

DN liên doanh với nước ngoài ☐

DN tư nhân ☐

DN 100% vốn nước ngoài ☐

DN cổ phần ☐

Hộ buôn bán ☐

Khác: (ghi rõ loại hình) ☐

.....

.....

4. Năm bắt đầu hoạt động:

5. Số đăng ký/ngày cấp/cơ quan cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

.....

II. THÔNG TIN VỀ HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

1. Cửa hàng (áp dụng đối với cơ sở có cửa hàng)

- Diện tích cửa hàng:m²

- Diện tích/công suất khu vực chứa/ kho chứa hàng hóa: m² hoặc
 tấn

- Danh mục các trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ:

2. Nhân lực:

Danh sách nhân lực, trong đó:

- Chủ cơ sở và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật có trình độ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học hoặc Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư này (*Ghi rõ tên loại văn bằng, giấy chứng nhận; ngày cấp; thời hạn hiệu lực; tên cơ quan cấp; tên người được cấp*).

- Chứng nhận sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật theo quy định của Bộ Y tế (*Ghi rõ ngày cấp; tên cơ quan cấp; tên người được cấp*).

- Những thông tin khác.

3. Nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật

☐ Có (tiếp tục khai báo mục 3.1)

☐ Không (tiếp tục khai báo mục 3.2)

3.1. Nếu có, cung cấp các thông tin sau:

Nơi chứa thuốc: từ 5000 kg trở lên ☐ dưới 5000 kg ☐

Kích thước kho: chiều dài (m): chiều rộng (m): chiều cao:

Thông tin về nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

a) Tên người đại diện:

Địa chỉ:

Điện thoại: Mobile: Fax: E-mail:

b) Trạm cấp cứu gần nhất:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

c) Đơn vị cứu hỏa gần nhất (km):

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

d) Đồn cảnh sát gần nhất:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

đ) Tên khu dân cư gần nhất:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

3.2. Nếu không có kho riêng, nêu tên những đơn vị mà cơ sở có hợp đồng thuê kho (kèm hợp đồng thuê kho):

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN
(Ký tên, đóng dấu nếu có)

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
 MÔI TRƯỜNG
CHI CỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
 Số:.....

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Tên đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

hoặc

Chủ cơ sở:

Số chứng minh nhân dân số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại: Fax:

Địa điểm cửa hàng buôn bán:

Được công nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày.....tháng....năm....

....., ngày ... tháng ... năm.....

CHI CỤC TRƯỞNG

4. Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật (Mã TTHC: 1.003984.000.00.00.H61)

4.1 Trình tự thực hiện

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: số 12C đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh (địa chỉ: <https://dichvucong.vinhlong.gov.vn>). Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo địa chỉ nộp hồ sơ ban đầu.

Đối với hồ sơ giải quyết xong trước thời hạn trả kết quả: Liên hệ đề cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp: Từ 07 giờ đến 11 giờ và 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

4.2 Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

4.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, gồm: Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật vận chuyển nội địa (theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 35/2015/TT-BNNPTNT).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4.4 Thời hạn giải quyết:

+ Trong vòng 24 giờ kể từ khi bắt đầu kiểm dịch.

+ Trường hợp kéo dài hơn 24 giờ do yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật hoặc trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật thì Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phải thông báo hoặc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho chủ vật thể biết.

4.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

4.6 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Vĩnh Long.

4.7 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật

4.8 Phí, lệ phí: Không.

4.9 Tên mẫu đơn, tờ khai: Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật vận chuyển nội địa tại phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 35/2015/TT-BNNPTNT)

4.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

4.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- + Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13;
- + Thông tư 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch thực vật nội địa;
- + Thông tư số 33/2021/TT-BTC, ngày 17/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax/E-mail:.....

Số Giấy CMND:..... Ngày cấp: Nơi cấp:

Đề nghị quý cơ quan kiểm dịch lô hàng vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật sau:.....

1. Tên hàng: Tên khoa học:

Cơ sở sản xuất:

Địa chỉ:

2. Số lượng và loại bao bì:

3. Khối lượng tịnh: Khối lượng cả bì:

4. Phương tiện chuyên chở:

5. Nơi đi:

6. Nơi đến:

7. Mục đích sử dụng:

8. Địa điểm sử dụng:

9. Thời gian kiểm dịch:

10. Địa điểm, thời gian giám sát xử lý (nếu có):

.....

.....

Số bản Giấy chứng nhận KDTV cần cấp: bản chính; bản

sao

Vào sổ số: ngày/...../.....

Cán bộ KDTV nhận giấy đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tổ chức, cá nhân đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)

5. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (Mã TTHC: 1.007931.000.00.00.H61)

5.1 Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ <https://dichvucong.vinhlong.gov.vn>).

Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo địa chỉ nộp hồ sơ ban đầu.

Đối với hồ sơ giải quyết xong trước thời hạn trả kết quả: Liên hệ đề cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp: Từ 07 giờ đến 11 giờ và 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

5.2 Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

5.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP;

- Bản sao Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên của người trực tiếp buôn bán phân bón theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Trồng trọt (trường hợp có thông tin về chứng nhận đã được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về phân bón được thể hiện tại Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón thì không phải nộp thành phần hồ sơ này).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4 Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, không tính thời gian khắc phục (nếu có) của tổ chức, cá nhân.

5.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân buôn bán phân bón.

5.6 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền theo quy định: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long;

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Vĩnh Long.

5.7 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP.

5.8 Phí, lệ phí: Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón: 500.000 đồng/01 cơ sở/lần.

5.9 Tên mẫu đơn, tờ khai:

Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP.

5.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón bao gồm:

- Có địa điểm giao dịch hợp pháp, rõ ràng;
- Có đầy đủ hồ sơ, giấy tờ truy xuất nguồn gốc phân bón theo quy định;
- Người trực tiếp bán phân bón phải được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về phân bón theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trừ trường hợp đã có trình độ trung cấp trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, khoa học đất, nông học, hóa học, sinh học.

5.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Trồng trọt năm 2018;
- Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón;
- Nghị định số 130/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón, Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;
- Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
BUÔN BÁN PHÂN BÓN**

(Kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP ngày 31/12/2022 của Chính phủ)

**TÊN TỔ CHỨC, CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng.... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
BUÔN BÁN PHÂN BÓN**

Kính gửi:.....

1. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Tên chủ cơ sở/người đại diện theo pháp luật:

Điện thoại: Fax:..... E-mail:.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân: Số..... Ngày cấp:

Nơi cấp:

2. Địa điểm nơi chứa (kho) phân bón (nếu có):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh/Giấy chứng nhận tổ chức Khoa học và Công nghệ: Số..... Ngày..... Nơi cấp

4. Giấy chứng nhận tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về phân bón của người trực tiếp buôn bán phân bón: Số.....Ngày.....Nơi cấp:.....

Đề nghị quý cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón

☐ Cấp

☐ Cấp lại (lần thứ:....)

Lý do cấp lại

Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi xin tuân thủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực phân bón và các quy định pháp luật khác có liên quan./.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)

Mẫu số 11

TÊN CƠ QUAN CHỦ
QUẢNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(1)

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN PHÂN BÓN

Số:...../GCN-BBP

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Mã số doanh nghiệp (nếu có):

Người đại diện của tổ chức, cá nhân:

Số chứng minh nhân dân/Căn cước công dân: ngày cấp: Nơi cấp:

.....

Được chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón.**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN**
(Ký tên, đóng dấu)_____
(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

6. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (Mã TTHC: 1.007932.000.00.00.H61)

6.1 Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ <https://dichvucong.vinhlong.gov.vn>).

Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo địa chỉ nộp hồ sơ ban đầu.

Đối với hồ sơ giải quyết xong trước thời hạn trả kết quả: Liên hệ đề cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp: Từ 07 giờ đến 11 giờ và 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

6.2 Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

6.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

(i) Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo mẫu Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP;

- Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp (trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng).

(ii) Trường hợp thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo mẫu Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP;

- Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp.

(iii) Trường hợp thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP;

- Bản sao Bảng tốt nghiệp trung cấp trở lên của người trực tiếp buôn bán phân bón theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Trồng trọt (trường hợp có thông tin về chứng nhận đã được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về phân

bón được thể hiện tại Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón thì không phải nộp thành phần hồ sơ này).

- Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4 Thời hạn giải quyết:

- 13 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân).

- 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).

- Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

6.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân buôn bán phân bón.

6.6 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền theo quy định: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long;

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Vĩnh Long.

6.7 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP.

6.8 Phí, lệ phí: Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón: 200.000 đồng/01 cơ sở/lần.

6.9 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP.

6.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Điều kiện cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón bao gồm:

- Có địa điểm giao dịch hợp pháp, rõ ràng;

- Có đầy đủ hồ sơ, giấy tờ truy xuất nguồn gốc phân bón theo quy định;

- Người trực tiếp bán phân bón phải được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về phân bón theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trừ trường hợp đã có trình độ trung cấp trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, khoa học đất, nông học, hóa học, sinh học.

6.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Trồng trọt năm 2018;
- Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón;
- Nghị định số 130/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón, Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;
- Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU
KIỆN BUÔN BÁN PHÂN BÓN**

(Kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP ngày 31/12/2022 của Chính phủ)

**TÊN TỔ CHỨC, CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng.... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
BUÔN BÁN PHÂN BÓN**

Kính gửi:.....

1. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Tên chủ cơ sở/người đại diện theo pháp luật:

Điện thoại: Fax:..... E-mail:.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân: Số..... Ngày cấp:

Nơi cấp:

2. Địa điểm nơi chứa (kho) phân bón (nếu có):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh/Giấy chứng nhận tổ chức Khoa học và Công nghệ: Số..... Ngày..... Nơi cấp

4. Giấy chứng nhận tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về phân bón của người trực tiếp buôn bán phân bón: Số.....Ngày.....Nơi cấp:.....

Đề nghị quý cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón

☐ Cấp

☐ Cấp lại (lần thứ:....)

Lý do cấp lại

Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi xin tuân thủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực phân bón và các quy định pháp luật khác có liên quan./.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)

Mẫu số 11

TÊN CƠ QUAN CHỦ
QUẢNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(1)

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN PHÂN BÓN

Số:...../GCN-BBP

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Mã số doanh nghiệp (nếu có):

Người đại diện của tổ chức, cá nhân:

Số chứng minh nhân dân/Căn cước công dân: ngày cấp: Nơi cấp:

.....

Được chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón.**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN**
(Ký tên, đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

7. Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón (Mã TTHC: 1.007933.000.00.00.H61)

7.1 Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh (địa chỉ <https://dichvucong.vinhlong.gov.vn>).

Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo địa chỉ nộp hồ sơ ban đầu.

Đối với hồ sơ giải quyết xong trước thời hạn trả kết quả: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp: Từ 07 giờ đến 11 giờ và 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

7.2 Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

7.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo phân bón theo Mẫu số 20 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019;

- Bản sao hợp lệ Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam;

- 02 kịch bản quảng cáo và file điện tử ghi âm, ghi hình hoặc bản thiết kế phù hợp với loại hình và phương thức quảng cáo (trừ quảng cáo thông qua hình thức hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện).

* Đối với quảng cáo thông qua hình thức hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện phải có: chương trình (ghi rõ nội dung); thời gian; địa điểm tổ chức; nội dung bài báo cáo và tài liệu phát cho người dự; bảng kê tên, chức danh, trình độ chuyên môn của báo cáo viên.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4 Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân.

Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

* **Đối với quảng cáo thông qua hình thức hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện:** trước khi tiến hành việc quảng cáo ít nhất 02 ngày làm việc, tổ chức, cá nhân có phân bón đã được cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo phải có văn

bản thông báo về hình thức, thời gian và địa điểm quảng cáo kèm theo bản sao giấy xác nhận nội dung quảng cáo cho Sở Nông nghiệp và Môi trường nơi tổ chức quảng cáo để thanh tra, kiểm tra trong trường hợp cần thiết.

7.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

7.6 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền theo quy định: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Vĩnh Long.

7.7 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản xác nhận nội dung quảng cáo. Văn bản này có giá trị trên phạm vi toàn quốc.

7.8 Phí, lệ phí: Chưa có quy định.

7.9 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo phân bón theo Mẫu số tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019.

7.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

7.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Trồng trọt, ngày 19/11/2018;

+ Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ về quản lý phân bón.

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO PHÂN BÓN

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Số điện thoại:.....Fax:.....Email:

Họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm đăng ký hồ sơ:.....

.....

Kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với phân bón sau:

T T	Loại phân bón	Tên phân bón	Mã số phân bón	Số Quyết định công nhận phân bón lưu hành	Phương tiện quảng cáo

Các tài liệu gửi kèm:

.....

.....

.....

.....

Chúng tôi cam kết quảng cáo đúng nội dung được xác nhận, tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý phân bón và các quy định khác của pháp luật về quảng cáo. Nếu quảng cáo sai nội dung được xác nhận chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT

1. Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính (Mã TTHC: 1.008003.000.00.00.H61)

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: <https://dichvucong.vinhlong.gov.vn>).

Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ theo quy định

Bước 3:

*** Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng:**

- Trường hợp Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thành lập, Hội đồng có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng tại địa điểm có cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng. Trường hợp cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đáp ứng đủ điều kiện, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thẩm định, Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng theo Mẫu số 04.CDD, Mẫu số 05.CDD Phụ lục VI Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ.

- Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

*** Phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng**

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định. Trường hợp cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở, Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quyết định phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng.

- Trường hợp không phục hồi Quyết định phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo địa chỉ nộp hồ sơ ban đầu hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, cụ thể:

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp: Từ 07 giờ đến 11 giờ và 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

*** Hồ sơ Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng:**

- Văn bản đề nghị cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng theo Mẫu số 01.CDD Phụ lục VI Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ.

- Báo cáo kết quả bình tuyển cây đầu dòng theo Mẫu số 02.CDD Phụ lục VI Nghị định số 94/2019/NĐ-CP, ngày 13/12/2019; báo cáo kết quả thiết lập vườn cây đầu dòng theo Mẫu số 03.CDD Phụ lục VI Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ.

*** Hồ sơ phục hồi:**

Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: Văn bản đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: Thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: Thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở.

* Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền theo quy định: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Vĩnh Long.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng.

1.8. Phí: Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng: 2.000.000 đồng/lần bình tuyển, công nhận.

*** Ghi chú: Quy định miễn, giảm 50% phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long.**

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp quyết định công nhận cây đầu dòng/vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm. theo Mẫu số 01.CĐD của Phụ lục VI Nghị định 94/2019/NĐ-CP ngày 13/11/2019 của Chính phủ;

- Báo cáo kết quả bình tuyển cây đầu dòng theo Mẫu số 02.CĐD Phụ lục VI Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ;

- Báo cáo kết quả thiết lập vườn cây đầu dòng theo Mẫu số 03.CĐD Phụ lục VI Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Trồng trọt năm 2018;

- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐNHD ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

- Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định miễn, giảm phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Mẫu số 01.CDD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN CÂY ĐÀU
DÒNG/VƯỜN CÂY ĐÀU DÒNG CÂY CÔNG NGHIỆP, CÂY ĂN QUẢ
LÂU NĂM

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố...

1. Tên tổ chức, cá nhân:
 2. Địa chỉ: Điện thoại/Fax/E-mail:.....
 3. Tên giống:.....
 4. Vị trí hành chính và địa lý của cây đầu dòng/vườn cây đầu dòng
 Ấp..... xã..... huyện
 Tỉnh/thành phố:
 5. Các thông tin chi tiết về cây đầu dòng/vườn cây đầu dòng đăng ký công nhận:
 - Năm trồng:
 - Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (cây ghép, cây giâm hom, cây chiết cành và vật liệu nhân giống khác):
 - Tình hình sinh trưởng (chiều cao, đường kính tán cây, tình hình sâu bệnh hại và một số chỉ tiêu liên quan đến sinh trưởng):
 -
 -
 - Năng suất, chất lượng của giống (nêu những chỉ tiêu chủ yếu):
 -
- Đối với vườn cây đầu dòng, cần có thêm những thông tin sau:
- Mã hiệu nguồn giống (cây đầu dòng):
 - Diện tích vườn (m²):
 - Khoảng cách trồng (m x m):

Chúng tôi xin cam kết thực hiện nộp phí bình tuyển, thẩm định, công nhận theo đúng quy định./.

..., ngày ... tháng ... năm ...
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN*

Mẫu số 02.CĐD

BÁO CÁO

- Không nhiễm bệnh Greening, Tristeza (đối với cây có mùi)

....., ngày ... tháng ... năm ...
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LẬP BÁO CÁO*
 (Ký tên, đóng dấu)

** Cá nhân phải có bản photocopy chứng minh nhân dân/hoặc hộ chiếu/hoặc thẻ căn cước công dân gửi kèm theo đơn*

Mẫu số 03.CDD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

Kết quả thiết lập vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm

1. Tên tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký cấp Quyết định vườn cây đầu dòng:

2. Địa chỉ:
 Điện thoại/Fax/E-mail:
3. Tên giống, loài cây trồng:
4. Vị trí hành chính và địa lý của vườn cây đầu dòng:
 Thôn/xã.....huyện.....tỉnh/thành phố:
 Tọa độ địa lý:
 Họ tên chủ hộ có vườn cây đầu dòng:.....
5. Thời gian, chỉ tiêu và phương pháp thiết lập, tên tiêu chuẩn chất lượng vườn cây đầu dòng (kèm bản photocopy Quyết định công bố đối với tiêu chuẩn cơ sở).
6. Thông tin về vườn cây đầu dòng (đánh giá từng chỉ tiêu cụ thể, so sánh với tiêu chuẩn chất lượng vườn cây đầu dòng)
 - Năm trồng:
 - Nguồn gốc xuất xứ:
 - Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (cây ghép, cây chiết cành,...):
 - Mật độ, khoảng cách trồng:
 - Quy mô diện tích, số lượng cây:
 - Quy trình kỹ thuật chăm sóc đang áp dụng:
 - Tính đúng giống:
 - Tình hình sinh trưởng:
 - Tình hình sâu bệnh hại:
 - Năng suất, chất lượng và chỉ tiêu khác (nếu có):
 - Đề xuất số lượng vật liệu nhân giống khai thác tối đa/năm sau khi được công nhận vườn cây đầu dòng.

- Không nhiễm bệnh Greening, Tristeza (đôi với vườn cây đầu dòng cây có múi).

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LẬP BÁO CÁO*

(ký tên, đóng dấu)

* Cá nhân phải có bản photocopy chứng minh nhân dân/hoặc hộ chiếu/hoặc thẻ căn cước công dân gửi kèm theo đơn

2. Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (Mã TTHC: 1.012075.H61)

2.1 Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long địa chỉ: <https://dichvucong.vinhlong.gov.vn>).

Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ theo quy định và chuyển Sở Nông nghiệp và Môi trường xử lý.

Bước 2: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ thẩm định hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ ban hành Quyết định cho phép khai thác, sử dụng giống cây trồng đồng thời thông báo cho chủ sở hữu Bằng bảo hộ giống cây trồng và tổ chức, cá nhân đề nghị được khai thác, sử dụng giống cây trồng để thực hiện.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3: Cá nhân nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo địa chỉ nộp hồ sơ ban đầu.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp: Từ 07 giờ đến 11 giờ và 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần trừ các ngày nghỉ theo quy định.

2.2 Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

2.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị sử dụng giống cây trồng theo quy định tại Mẫu số 16 ban hành kèm theo Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ;

- Tài liệu chứng minh đề nghị khai thác, sử dụng giống cây trồng là có căn cứ xác đáng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4 Thời hạn giải quyết:

07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ.

2.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

2.6 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền theo quy định: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

2.7 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định cho phép khai thác, sử dụng giống cây trồng hoặc cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2.8 Phí, lệ phí: Không.

2.9 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị sử dụng giống cây trồng theo quy định tại Mẫu số 16 ban hành kèm theo Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ.

2.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

2.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Khoản 2, Khoản 3, Điều 18 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP SỬ DỤNG GIỐNG CÂY TRỒNG

Kính gửi¹

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị:

Tên tổ chức/cá nhân:

Địa chỉ:

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập đối với các tổ chức khác hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân trường hợp người đăng ký là cá nhân):.....

Điện thoại:.....E-mail:.....

2. Thông tin giống cây trồng

Tên loài:

Tên giống:

Số Bằng:

Chủ sở hữu:

3. Nội dung đề nghị:

.....

4. Cam kết:

Tổ chức, cá nhân cam kết thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về chuyển giao, chuyển nhượng, chấm dứt sử dụng khi có yêu cầu xác đáng đối với giống cây trồng trên.

Khai tại: ... ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức/Cá nhân đề nghị

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng
 dấu nếu có)*

¹ Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ

3. Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (Mã TTHC: 1.012074.H61)

3.1 Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Kết thúc thời hạn 12 tháng kể từ thời điểm nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu mà tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ không nộp đơn đăng ký quyền đối với giống cây trồng hoặc có văn bản báo cáo đại diện chủ sở hữu nhà nước giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng; Đại diện chủ sở hữu nhà nước thông báo trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong thời hạn 90 ngày về việc nộp hồ sơ đề nghị giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng.

b) Bước 2: Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày Đại diện chủ sở hữu nhà nước thông báo trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tổ chức, cá nhân nộp Đơn đề nghị giao quyền đăng ký trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long địa chỉ: <https://dichvucong.vinhlong.gov.vn>).

Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ theo quy định và chuyển Sở Nông nghiệp và Môi trường xử lý.

c) Bước 3: Trong thời hạn 12 ngày, kể từ ngày kết thúc nhận hồ sơ, đại diện chủ sở hữu nhà nước đăng tải trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ danh sách tổ chức, cá nhân nộp đơn hợp lệ và dự định giao cho các tổ chức, cá nhân đó cùng thực hiện quyền đăng ký, cùng đứng tên là người đăng ký đối với Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng được giao quyền, ấn định thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày đăng tải để các tổ chức, cá nhân có ý kiến về nội dung trên.

Nếu kết thúc thời hạn nêu trên mà tổ chức, cá nhân nộp đơn đề nghị giao quyền có văn bản phản hồi đồng ý cùng đứng tên người đăng ký hoặc không có văn bản phản hồi thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên, đại diện chủ sở hữu nhà nước ban hành quyết định giao quyền đăng ký bảo hộ giống cây trồng cho tổ chức, cá nhân này

d) Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo địa chỉ nộp hồ sơ ban đầu.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp: Từ 07 giờ đến 11 giờ và 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần trừ các ngày nghỉ theo quy định .

3.2 Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

3.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

Đơn đề nghị giao quyền đăng ký theo quy định tại Mẫu số 15 ban hành kèm theo Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: 24 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ.

3.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

3.6 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền theo quy định: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

3.7 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định giao quyền đăng ký bảo hộ giống cây trồng cho tổ chức, cá nhân.

3.8 Phí, lệ phí: Không.

3.9 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị giao quyền đăng ký theo quy định tại Mẫu số 15 ban hành kèm theo Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ.

3.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam.
- Cá nhân là công dân Việt Nam và thường trú tại Việt Nam.

3.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 16 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIAO QUYỀN ĐĂNG Ý GIỐNG CÂY TRỒNG

Kính gửi²:

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị:

Tên tổ chức/cá nhân:

Địa chỉ:

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập đối với các tổ chức khác hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân trường hợp người đăng ký là cá nhân:

Điện thoại:.....E-mail:.....

2. Nội dung đề nghị:

3. Căn cứ đề nghị:

4. Cam kết:

(Tổ chức, cá nhân) cam đoan mọi thông tin trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại: ... ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức/Cá nhân đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)

² Đại diện chủ sở hữu nhà nước

4. Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng (Mã TTHC: 1.012004.H61)

4.1 Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật. Tổ chức nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng trong các trường hợp:

- Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng bị mất, bị lỗi, bị hỏng rách, bẩn, phai mờ v.v...) đến mức không sử dụng được;
- Có sự thay đổi liên quan đến các thông tin đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo quy định tại điểm c1 khoản 2 Điều 113 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long địa chỉ: <https://dichvucong.vinhlong.gov.vn>).

Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ theo quy định và chuyển Sở Nông nghiệp và Môi trường xử lý.

Bước 3:

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ra quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định, trong đó ghi rõ tên đầy đủ, tên giao dịch, địa chỉ của tổ chức, Danh sách giám định viên quyền đối với giống cây trồng là thành viên của tổ chức; ghi nhận vào Danh sách tổ chức giám định và công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.

Trường hợp hồ sơ có thiếu sót, Sở Nông nghiệp và Môi trường ra thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để tổ chức nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Khi hết thời hạn đã ấn định mà người yêu cầu cấp Thẻ giám định viên không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định từ chối cấp lại Giấy chứng nhận, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

- Trong trường hợp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã cấp Giấy chứng

nhận gây ra thì cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận miễn phí trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.

Bước 4: Công bố Danh sách tổ chức giám định quyền đối với giống cây: Sở Nông nghiệp và Môi trường lập Danh sách tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo các quyết định cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng. Danh sách tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Bước 5:

Tổ chức nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo địa chỉ nộp hồ sơ ban đầu.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp: Từ 07 giờ đến 11 giờ và 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần trừ các ngày nghỉ theo quy định).

4.2 Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

4.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, làm theo Mẫu số 11 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ;

- Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được sửa đổi của tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng trong trường hợp có sự thay đổi thông tin của tổ chức, trừ trường hợp trong Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng đã có thông tin về Mã số doanh nghiệp;

- Bản sao chứng thực Quyết định tuyển dụng, hợp đồng lao động hoặc quyết định chấm dứt hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên quyền đối với giống cây trồng hoạt động cho tổ chức trong trường hợp có sự thay đổi về giám định viên quyền đối với giống cây trồng.

- Chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục này).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4 Thời hạn giải quyết:

- Quyết định Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng: 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.

4.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

4.6 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền theo quy định: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

4.7 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 12 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ hoặc quyết định từ chối cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.

4.8 Phí, lệ phí: Không.

4.9 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, làm theo Mẫu số 11 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ.

4.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

4.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Khoản 2, Khoản 3 Điều 113, Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

Mẫu số 11**TỜ KHAI****YÊU CẦU CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN TỔ CHỨC
GIÁM ĐỊNH QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG**Kính gửi³:

Tổ chức dưới đây yêu cầu cấp/cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng:

DẤU NHẬN ĐƠN*(Dành cho cán bộ nhận đơn)*

TỔ CHỨC YÊU CẦU CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN		
Tên đầy đủ:		
Địa chỉ:		Điện thoại:
NỘI DUNG YÊU CẦU		
☐ Cấp Giấy chứng nhận lần đầu ☐ Cấp lại Giấy chứng nhận Số Giấy chứng nhận đã cấp:		
Lý do cấp lại: ☐ Giấy chứng nhận bị mất ☐ Giấy chứng nhận bị lỗi ☐ Giấy chứng nhận bị hỏng ☐ Thay đổi thông tin trong Giấy chứng nhận		
DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN THUỘC TỔ CHỨC		
STT	Họ và tên	Số Thẻ giám định viên
☐ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN ☐ Tờ khai theo mẫu ☐ Bản sao (có chứng thực) Giấy đăng ký hoạt động liên quan..... ☐ Bản sao (có chứng thực) quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên thuộc tổ chức ☐ Giấy chứng nhận tổ chức giám định đã cấp (nếu yêu cầu cấp lại, trừ trường hợp bị mất) ☐ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trừ trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do lỗi của cơ quan cấp Giấy chứng nhận) ☐ KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU <i>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</i> ☐ ☐ ☐ ☐		
CAM KẾT CỦA NGƯỜI KHAI ĐƠN		
Tôi xin cam đoan các thông tin, tài liệu trong đơn là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.		
Khai tại: ngày ... tháng ... năm... Chữ ký, họ tên người khai đơn <i>(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu)</i>		

³ Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận.

Mẫu số 12

**[CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN]****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: /CN- [chữ viết tắt tên cơ
quan cấp Giấy chứng nhận]

Hà Nội, ngày tháng năm

GIẤY CHỨNG NHẬN**Tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng****[THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN]***Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của [Cơ quan cấp Giấy chứng nhận] ban hành theo Quyết định số ... ngày... của... ;**Căn cứ Điều 113 của Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.***CHỨNG NHẬN:**

Tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng:

Tên đầy đủ:

Tên giao dịch:

Địa chỉ:

Danh sách giám định viên quyền đối với giống cây trồng là thành viên của tổ chức:

STT	Họ và tên	Số chứng minh dân dân/căn cước công dân	Số Thẻ giám định viên	Chuyên ngành

Giấy chứng nhận này được cấp theo Quyết định số... ngày ... tháng...năm... của [Thủ trưởng cơ quan ban hành Quyết định].

[THỦ TRƯỞNG]

CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN]

5. Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng (Mã TTHC: 1.012003.H61)

5.1 Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long địa chỉ: <https://dichvucong.vinhlong.gov.vn>).

Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ theo quy định và chuyển Sở Nông nghiệp và Môi trường xử lý.

Bước 3: Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định, trong đó ghi rõ tên đầy đủ, tên giao dịch, địa chỉ của tổ chức, Danh sách giám định viên quyền đối với giống cây trồng là thành viên của tổ chức; ghi nhận vào Danh sách tổ chức giám định và công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định;

- Trường hợp hồ sơ có thiếu sót, Sở Nông nghiệp và Môi trường ra thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để tổ chức nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Khi hết thời hạn đã ấn định mà người yêu cầu cấp Thẻ giám định viên không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

Bước 4: Công bố Danh sách tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng: Sở Nông nghiệp và Môi trường lập Danh sách tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo các quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng. Danh sách tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Bước 5: Tổ chức nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo địa chỉ nộp hồ sơ ban đầu.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp: Từ 07 giờ đến 11 giờ và 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần trừ các ngày nghỉ theo quy định).

5.2 Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

5.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, làm theo Mẫu số 11 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ;

- Bản sao chứng thực Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên sở hữu công nghiệp hoạt động cho tổ chức.

- Chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục này).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4 Thời hạn giải quyết:

Quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng: 01 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

5.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

5.6 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền theo quy định: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

5.7 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 12 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ hoặc quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.

5.8 Phí, lệ phí: Không.

5.9 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 11 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ.

5.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp, tổ chức hành nghề luật sư được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật có ít nhất một cá nhân có Thẻ giám định viên sở hữu trí tuệ được thực hiện hoạt động giám định về sở hữu trí tuệ.

5.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ năm 2022;

- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

Mẫu số 11

TỜ KHAI
YÊU CẦU CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN TỔ CHỨC
GIÁM ĐỊNH QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG

Kính gửi⁴:

Tổ chức dưới đây yêu cầu cấp/cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng:

DẤU NHẬN ĐƠN
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

☐ TỔ CHỨC YÊU CẦU CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN Tên đầy đủ: _____ Địa chỉ: _____ Điện thoại: _____																				
☐ NỘI DUNG YÊU CẦU ☐ Cấp Giấy chứng nhận lần đầu ☐ Cấp lại Giấy chứng nhận Số Giấy chứng nhận đã cấp: _____ <u>Lý do cấp lại:</u> ☐ Giấy chứng nhận bị mất ☐ Giấy chứng nhận bị lỗi ☐ Giấy chứng nhận bị hỏng ☐ Thay đổi thông tin trong Giấy chứng nhận																				
☐ DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN THUỘC TỔ CHỨC <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; margin-top: 5px;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;">STT</th> <th style="width: 50%;">Họ và tên</th> <th style="width: 40%;">Số Thẻ giám định viên</th> </tr> </thead> <tbody> <tr><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td></tr> </tbody> </table>			STT	Họ và tên	Số Thẻ giám định viên															
STT	Họ và tên	Số Thẻ giám định viên																		
☐ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN ☐ Tờ khai theo mẫu ☐ Bản sao (có chứng thực) Giấy đăng ký hoạt động liên quan..... ☐ Bản sao (có chứng thực) quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên thuộc tổ chức ☐ Giấy chứng nhận tổ chức giám định đã cấp (nếu yêu cầu cấp lại, trừ trường hợp bị mất) ☐ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trừ trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do lỗi của cơ quan cấp Giấy chứng nhận)	☐ KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU (Dành cho cán bộ nhận đơn) ☐ ☐ ☐ ☐ Cán bộ nhận đơn (Ký và ghi rõ họ tên)																			

⁴ Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận.



CAM KẾT CỦA NGƯỜI KHAI ĐƠN

Tôi xin cam đoan các thông tin, tài liệu trong đơn là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại: ngày ... tháng ... năm...

Chữ ký, họ tên người khai đơn

(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 12

**[CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN]**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CN- [chữ viết tắt tên cơ
quan cấp Giấy chứng nhận]

Hà Nội, ngày tháng năm

GIẤY CHỨNG NHẬN

Tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng

[THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN]

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của [Cơ quan cấp Giấy chứng nhận] ban hành theo Quyết định số ... ngày... của... ;

Căn cứ Điều 113 của Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

CHỨNG NHẬN:

Tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng:

Tên đầy đủ:

Tên giao dịch:

Địa chỉ:

Danh sách giám định viên quyền đối với giống cây trồng là thành viên của tổ chức:

STT	Họ và tên	Số chứng minh dân dân/căn cước công dân	Số Thẻ giám định viên	Chuyên ngành

Giấy chứng nhận này được cấp theo Quyết định số... ngày ... tháng...năm... của [Thủ trưởng cơ quan ban hành Quyết định].

**[THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN]**

6. Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng (Mã TTHC: 1.012002.H61)

6.1 Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật. Cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng trong các trường hợp:

- Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng bị mất, bị lỗi, bị hỏng rách, bẩn, phai mờ v.v...) đến mức không sử dụng được;

- Thông tin được ghi nhận trong Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng có sự thay đổi về họ tên, địa chỉ thường trú, số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân và chuyên ngành giám định của người được cấp Thẻ.

Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long địa chỉ: <https://dichvucong.vinhlong.gov.vn>).

Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ theo quy định và chuyển Sở Nông nghiệp và Môi trường xử lý.

Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng, Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định cấp lại Thẻ giám định viên, trong đó ghi rõ họ tên, địa chỉ thường trú, số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân và chuyên ngành giám định của người được cấp Thẻ;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường ra thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Khi hết thời hạn đã ấn định mà người yêu cầu cấp Thẻ giám định viên không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định từ chối cấp lại Thẻ giám định viên, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

* Trong trường hợp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long gây ra, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long có trách nhiệm cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của người được cấp Thẻ.

Bước 4: Công bố Danh sách giám định viên quyền đối với giống cây trồng: Sở Nông nghiệp và Môi trường lập Danh sách giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo các quyết định cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng và công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định.

Bước 5: Cá nhân nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo địa chỉ nộp hồ sơ ban đầu.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp: Từ 07 giờ đến 11 giờ và 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần trừ các ngày nghỉ theo quy định).

6.2 Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

6.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên, làm theo Mẫu số 09 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ;

- 02 ảnh 3x4 (cm).

- Chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục này)

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4 Thời hạn giải quyết:

- Quyết định cấp lại thẻ giám định viên: 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gây ra: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của người được cấp thẻ.

6.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

6.6 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền theo quy định: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

6.7 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng và Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 10 tại Phụ lục VI

của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ hoặc Quyết định từ chối cấp Thẻ giám định viên.

6.8 Phí, lệ phí: Không.

6.9 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ khai yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên, theo Mẫu số 09 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ.

6.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

6.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

Mẫu số 09

TỜ KHAI
YÊU CẦU CẤP/CẤP LẠI THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN
QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG

DẤU NHẬN ĐƠN
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi⁵:.....

Cá nhân dưới đây yêu cầu cấp/cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng:

☐	NGƯỜI YÊU CẦU
Tên đầy đủ:	
Địa chỉ:	
Điện thoại:	
Chứng minh thư nhân dân/căn cước công dân số:	
☐	NỘI DUNG YÊU CẦU
☐ Cấp Thẻ lần đầu	
☐ Cấp lại Thẻ	
Số Thẻ đã cấp:	
Lý do cấp lại: ☐ Thẻ bị mất ☐ Thẻ bị lỗi ☐ Thẻ bị hỏng	
☐ Thay đổi thông tin trong Thẻ:	

⁵ Tên cơ quan quản lý nhà nước về cấp thẻ giám định viên tại địa phương.

CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN ☐ Tờ khai theo mẫu ☐ Bản gốc/bản sao Giấy chứng nhận đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ làm giám định viên quyền đối với giống cây trồng ☐ Bản sao Bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học chuyên ngành trồng trọt, nông học hoặc ngành có liên quan về giống cây trồng ☐ Bản sao tài liệu xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc người nộp hồ sơ đã trực tiếp làm công tác chuyên môn lĩnh vực giống cây trồng từ 05 năm trở lên ☐ 02 ảnh cỡ 3 x 4 cm ☐ Thẻ đã cấp nếu yêu cầu cấp lại, trừ trường hợp bị mất) ☐ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí trừ trường hợp đề nghị cấp lại Thẻ do lỗi của cơ quan quản lý nhà nước về cấp thẻ giám định viên tại địa phương)	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU <i>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</i> ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ Cán bộ nhận đơn (Ký và ghi rõ họ tên)
--	--

	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----- THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG Số: /GDV
	(Ảnh 3 x 4) Họ và tên: Ngày sinh: Số CMND/CCCD: Địa chỉ thường trú: Chữ ký của người được cấp Thẻ

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
VỀ CẤP THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN TẠI ĐỊA PHƯƠNG
(Ký và đóng dấu)

1. Thẻ này được cấp theo Quyết định số ngày..... tháng..... năm..... của Thủ trưởng Cơ quan quản lý nhà nước về cấp thẻ giám định viên tại địa phương).
2. Người được cấp Thẻ này được hành nghề giám định quyền đối với giống cây trồng và có nghĩa vụ yêu cầu cấp lại Thẻ khi có thay đổi thông tin liên quan đã được ghi nhận trong Thẻ.
3. Thẻ này bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:
 - a) Có chứng cứ khẳng định rằng Thẻ giám định viên được cấp trái với quy định pháp luật;
 - b) Người được cấp Thẻ giám định viên không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ;
 - c) Người được cấp Thẻ giám định viên từ bỏ hoạt động giám định;
 - d) Người được cấp Thẻ giám định viên bị xử phạt bằng hình thức thu hồi Thẻ giám định viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

7. Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng (Mã TTHC: 1.012001.H61)

7.1 Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long địa chỉ: <https://dichvucong.vinhlong.gov.vn>).

Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ theo quy định và chuyển Sở Nông nghiệp và Môi trường xử lý.

Bước 3:

- Trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định cấp Thẻ giám định viên, trong đó ghi rõ họ tên, địa chỉ thường trú, số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân và chuyên ngành giám định của người được cấp Thẻ.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường ra thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Khi hết thời hạn đã ấn định mà người yêu cầu cấp Thẻ giám định viên không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định từ chối cấp Thẻ giám định viên, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

Bước 4: Công bố Danh sách giám định viên quyền đối với giống cây trồng: Sở Nông nghiệp và Môi trường lập Danh sách giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo các quyết định cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng và công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định.

Bước 5: Cá nhân nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo địa chỉ nộp hồ sơ ban đầu.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp: Từ 07 giờ đến 11 giờ và 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần trừ các ngày nghỉ theo quy định).

7.2 Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

7.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai yêu cầu cấp Thẻ giám định viên theo Mẫu số 09 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ;

- Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ về giám định quyền đối với giống cây trồng;

- Bản sao Bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học chuyên ngành trồng trọt, nông học hoặc ngành có liên quan về giống cây trồng;

- Tài liệu có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc người nộp hồ sơ đã trực tiếp làm công tác chuyên môn lĩnh vực giống cây trồng từ 05 năm trở lên;

- 02 ảnh 3x4 cm).

- Chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục này)

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4 Thời hạn giải quyết:

Quyết định cấp Thẻ giám định viên: Thời gian 01 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

7.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

7.6 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền theo quy định: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

7.7 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng và Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 10 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ hoặc Quyết định từ chối cấp Thẻ giám định viên.

7.8 Phí, lệ phí: Không.

7.9 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ khai yêu cầu cấp Thẻ giám định viên theo Mẫu số 09 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ.

7.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Thường trú tại Việt Nam có nơi thường trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về cư trú);

- Có phẩm chất đạo đức tốt không bị xử lý vi phạm hành chính do vi phạm pháp luật về giống cây trồng hoặc về hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp và không thuộc diện bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xoá án tích);

- Có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp thẻ giám định, đã qua thực tế hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực đó từ năm năm trở lên và đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ về giám định đã trực tiếp làm công tác soạn thảo và hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật về giống cây trồng, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, thanh tra về giống cây trồng tại các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hộ giống cây trồng, nghiên cứu, giảng dạy về bảo hộ giống cây trồng tại tổ chức nghiên cứu, đào tạo được thành lập và hoạt động hợp pháp, hoặc tư vấn về pháp luật về bảo hộ giống cây trồng dưới danh nghĩa người đại diện quyền đối với giống cây trồng).

(Căn cứ khoản 3 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ)

7.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005;

- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

Mẫu số 09

TỜ KHAI
YÊU CẦU CẤP/CẤP LẠI THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN
QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG

DẤU NHẬN ĐƠN
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi⁶:.....

Cá nhân dưới đây yêu cầu cấp/cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng:

☐	NGƯỜI YÊU CẦU
Tên đầy đủ:	
Địa chỉ:	Điện thoại:
Chứng minh thư nhân dân/căn cước công dân số:	
☐	NỘI DUNG YÊU CẦU
☐ Cấp Thẻ lần đầu	
☐ Cấp lại Thẻ	Số Thẻ đã cấp:
Lý do cấp lại: ☐ Thẻ bị mất ☐ Thẻ bị lỗi ☐ Thẻ bị hỏng	
☐ Thay đổi thông tin trong Thẻ:	

⁶ Tên cơ quan quản lý nhà nước về cấp thẻ giám định viên tại địa phương.

☐ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN ☐ Tờ khai theo mẫu ☐ Bản gốc/bản sao Giấy chứng nhận đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ làm giám định viên quyền đối với giống cây trồng ☐ Bản sao Bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học chuyên ngành trồng trọt, nông học hoặc ngành có liên quan về giống cây trồng ☐ Bản sao tài liệu xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc người nộp hồ sơ đã trực tiếp làm công tác chuyên môn lĩnh vực giống cây trồng từ 05 năm trở lên ☐ 02 ảnh cỡ 3 x 4 cm ☐ Thẻ đã cấp nếu yêu cầu cấp lại, trừ trường hợp bị mất) ☐ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí trừ trường hợp đề nghị cấp lại Thẻ do lỗi của cơ quan quản lý nhà nước về cấp thẻ giám định viên tại địa phương)	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU (Dành cho cán bộ nhận đơn) ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ Cán bộ nhận đơn (Ký và ghi rõ họ tên)
---	--

	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
	THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG Số: /GDV (Ảnh 3 x 4) Họ và tên: Ngày sinh: Số CMND/CCCD: Địa chỉ thường trú: Chữ ký của người được cấp Thẻ

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
VỀ CẤP THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN TẠI ĐỊA PHƯƠNG
(Ký và đóng dấu)

1. Thẻ này được cấp theo Quyết định số ngày..... tháng..... năm..... của Thủ trưởng Cơ quan quản lý nhà nước về cấp thẻ giám định viên tại địa phương).
2. Người được cấp Thẻ này được hành nghề giám định quyền đối với giống cây trồng và có nghĩa vụ yêu cầu cấp lại Thẻ khi có thay đổi thông tin liên quan đã được ghi nhận trong Thẻ.
3. Thẻ này bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:
 - a) Có chứng cứ khẳng định rằng Thẻ giám định viên được cấp trái với quy định pháp luật;
 - b) Người được cấp Thẻ giám định viên không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ;
 - c) Người được cấp Thẻ giám định viên từ bỏ hoạt động giám định;
 - d) Người được cấp Thẻ giám định viên bị xử phạt bằng hình thức thu hồi Thẻ giám định viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

8. Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân (Mã TTHC: 1.012000.H61)

8.1 Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long địa chỉ: <https://dichvucong.vinhlong.gov.vn>).

Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ theo quy định và chuyển Sở Nông nghiệp và Môi trường xử lý.

Bước 3: Quyết định thu hồi hoặc quyết định từ chối thu hồi

Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản về yêu cầu này cho tổ chức được cấp Giấy

chứng nhận và ấn định thời hạn là 01 tháng kể từ ngày ra thông báo đề tổ chức đó có ý kiến. Trên cơ sở xem xét ý kiến của các bên, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đó ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng hoặc quyết định từ chối thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng cho các bên.

Bước 4:

Tổ chức nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo địa chỉ nộp hồ sơ ban đầu.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp: Từ 07 giờ đến 11 giờ và 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần trừ các ngày nghỉ theo quy định).

8.2 Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

8.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng;
- Chứng cứ chứng minh căn cứ đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4 Thời hạn giải quyết:

Kể từ ngày nhận được yêu cầu thu hồi đến khi tổ chức được cấp Giấy chứng nhận có ý kiến: 02 tháng.

8.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

8.6 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền theo quy định: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

8.7 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng hoặc quyết định từ chối thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.

8.8 Phí, lệ phí: Không.

8.9 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

8.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có chứng cứ khẳng định rằng Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng được cấp trái với các quy định của pháp luật;
- Tổ chức không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ;
- Tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng chấm dứt hoạt động giám định.

(Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 113 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP)

8.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Khoản 2 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022);
- Khoản 4 Điều 113 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

9. Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân (Mã TTHC: 1.011999.H61)

9.1 Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long địa chỉ: <https://dichvucong.vinhlong.gov.vn>).

Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ theo quy định

Bước 3:

- Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản về yêu cầu này cho người được cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng và ấn định thời hạn là 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người đó có ý kiến. Trên cơ sở xem xét ý kiến của các bên, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ra quyết định thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng hoặc quyết định từ chối thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng cho các bên.

Tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo địa chỉ nộp hồ sơ ban đầu.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp: Từ 07 giờ đến 11 giờ và 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần trừ các ngày nghỉ theo quy định).

9.2 Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

9.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn yêu cầu thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng;
- Chứng cứ chứng minh căn cứ đề nghị thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

9.4 Thời hạn giải quyết: Kể từ ngày nhận được yêu cầu thu hồi đến khi người được cấp Thẻ có ý kiến: 02 tháng.

9.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

9.6 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền theo quy định: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

9.7 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng hoặc quyết định từ chối thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng.

9.8 Phí, lệ phí: Không.

9.9 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

9.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có chứng cứ khẳng định rằng Thẻ giám định viên được cấp trái với quy định pháp luật;

- Người được cấp Thẻ giám định viên không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ;

- Người được cấp Thẻ giám định viên từ bỏ hoạt động giám định;

- Người được cấp Thẻ giám định viên bị xử phạt bằng hình thức thu hồi Thẻ giám định viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

(Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 112 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP)

9.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005;

- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

10. Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên (Mã TTHC: 1.012848.H61)

10.1 Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày nhận quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp gửi hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long địa chỉ: <https://dichvucong.vinhlong.gov.vn>)

b) Bước 2: Tiếp nhận, trả lời hồ sơ

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh kiểm tra thành phần hồ sơ và tiếp nhận hồ sơ đầy đủ thành phần; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thành phần thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: trong thời hạn 03 ngày làm việc tính từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh xem xét tính đầy đủ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh xem xét tính đầy đủ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ và xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa:

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được Bản kê khai hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định và ban hành văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa phải nộp tiền theo mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP gửi đến cơ quan tài chính cùng cấp để xác định số tiền phải nộp.

d) Bước 4: Sở Tài chính xác định số tiền phải nộp

Trong thời hạn 05 ngày, Sở Tài chính căn cứ văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa của Sở Nông nghiệp và Môi trường, bảng giá loại đất trồng lúa tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định, Sở Tài chính xác định số tiền phải nộp theo mẫu tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và người được nhà nước giao đất, cho thuê đất.

d) Bước 5: Người được giao đất, cho thuê đất thực hiện nộp tiền

Trong thời hạn 30 ngày, người được nhà nước giao đất, cho thuê đất thực hiện trách nhiệm nộp tiền tại cơ quan kho bạc theo thông báo của Sở Tài chính.

Sau 30 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo của Sở Tài chính; người được nhà nước giao đất, cho thuê đất chưa nộp hoặc nộp chưa đủ số tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa thì phải nộp thêm tiền chậm nộp. Mức tính tiền chậm nộp và thời gian tính tiền chậm nộp được quy định như sau:

- Mức tính tiền chậm nộp bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền phải nộp để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa chậm nộp;

- Thời gian tính tiền chậm nộp được tính liên tục kể từ ngày tiếp theo ngày phát sinh tiền chậm nộp đến ngày liền kề trước ngày số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước;

- Người nộp tiền tự xác định số tiền chậm nộp theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều 13 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP và nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định. Người nộp tiền phải nộp tiền chậm nộp được miễn tiền chậm nộp trong trường hợp bất khả kháng như bị thiệt hại vật chất do gặp thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ.

10.2 Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

10.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

Bản kê khai diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp theo mẫu tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

10.4 Thời hạn giải quyết:

- Văn bản thông báo xác định số tiền phải nộp gửi người được nhà nước giao đất, cho thuê đất: 12 ngày, kể từ ngày nhận được Bản kê khai hợp lệ.

- Nộp tiền tại cơ quan kho bạc: 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan tài chính.

10.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân (Người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất)

10.6 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính.

10.7 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa phải nộp tiền theo mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

- Văn bản xác định số tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa theo mẫu tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

10.8 Phí, lệ phí: Không.**10.9 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Bản kê khai diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp theo mẫu tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

10.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.**10.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

Phụ lục XI

MẪU BẢN KÊ KHAI DIỆN TÍCH ĐẤT CHUYÊN TRỒNG LÚA
CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP
ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng...năm...

BẢN KÊ KHAI
Diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển mục đích sử dụng sang
đất phi nông nghiệp

Kính gửi:

- 1. Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất kê khai: ...
- 2. Địa chỉ: ...
- 3. Tổng diện tích đất chuyên trồng lúa đề nghị chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp: ... ha
- 4. Địa điểm thu hồi đất:

Vị trí/Địa điểm đất	Diện tích (ha, m2)	Ghi chú
Vị trí 1: số thửa ...; số tờ bản đồ ...; xã (phường, thị trấn) ...; huyện (thị xã, thành phố) ...		
Vị trí 2: số thửa ...; số tờ bản đồ ...; xã (phường, thị trấn) ...; huyện (thị xã, thành phố) ...		
Vị trí 3: số thửa ...; số tờ bản đồ ...; xã (phường, thị trấn) ...; huyện (thị xã, thành phố) ...		
.....		
Tổng diện tích		

Đề nghị ... (cơ quan tài nguyên môi trường cấp tỉnh/huyện) xác định diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển sang mục đích phi nông nghiệp để... (ghi rõ tên người được nhà nước giao đất, cho thuê đất) làm căn cứ thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

**NGƯỜI ĐƯỢC NHÀ NƯỚC GIAO
ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT**
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu có))

Phụ lục XII**MẪU VĂN BẢN XÁC NHẬN DIỆN TÍCH ĐẤT CHUYÊN TRỒNG LÚA
PHẢI NỘP TIỀN**

*(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP
ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)*

**CƠ QUAN TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH/TP/QUẬN/HUYỆN/THỊ XÃ**

Số: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ...tháng ... năm ...

Kính gửi: Cơ quan tài chính

Căn cứ quy định tại Nghị định số ... /... /NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ vào Bản kê khai đề nghị xác định diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp của ... (ghi rõ tên cơ quan, người được nhà nước giao đất, cho thuê đất);

Cơ quan Tài nguyên và Môi trường (cấp tỉnh/huyện) ... xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp để thực hiện công trình/dự án ... ghi rõ tên công trình là...ha, thuộc địa điểm ... (ghi rõ địa điểm diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển đổi).

Cơ quan Tài nguyên và Môi trường (cấp tỉnh/huyện) gửi cơ quan Tài chính (cấp tỉnh/huyện) làm căn cứ xác định số tiền phải nộp của cơ quan, người được nhà nước giao đất, cho thuê đất.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT.

**CƠ QUAN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH/TP/QUẬN/ HUYỆN/THỊ XÃ**

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Phụ lục XIII**MẪU VĂN BẢN XÁC ĐỊNH SỐ TIỀN ĐỂ NHÀ NƯỚC BỔ SUNG DIỆN TÍCH ĐẤT CHUYÊN TRỒNG LÚA BỊ MẤT HOẶC TĂNG HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA***(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP
ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)***CƠ QUAN TÀI CHÍNH**
TỈNH/TP/QUẬN/HUYỆN/TX**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày ...tháng ... năm ...

V/v thông báo số tiền phải nộp
để nhà nước bổ sung diện tích
đất chuyên trồng lúa bị mất
hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất
trồng lúa

Kính gửi:

*Căn cứ Nghị định số ... /... /NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;**Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố về mức thu, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa;**Căn cứ văn bản số ... (Cơ quan Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh/ huyện);*

Cơ quan Tài chính cấp tỉnh/huyện thông báo số tiền phải nộp, như sau:

1. Tên cơ quan/người được nhà nước giao đất, cho thuê đất phải nộp tiền:

...

2. Số tiền phải nộp: ... đồng

(Bằng chữ:).

Số tiền = Diện tích ha x giá đất đồng x tỷ lệ nộp % theo quyết định số..., ngày...tháng... năm ...của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản này, ... *(tên cơ quan/người được nhà nước giao đất, cho thuê đất)* có trách nhiệm nộp số tiền nêu trên tại Kho bạc Nhà nước theo Tài khoản: ...; Chương: ... *(là chương của đơn vị nộp tiền nếu có)*; tiêu mục:**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh/huyện;
- Cục thuế tỉnh/huyện;
- Lưu: VT.

CƠ QUAN TÀI CHÍNH
TỈNH/TP/QUẬN/HUYỆN/THỊ XÃ
(Ký, họ tên và đóng dấu)

11. Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên (Mã TTHC: 1.012847.H61)

11.1 Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất có nhu cầu xây dựng công trình trên đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ đề xuất hỗ trợ đầu tư trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long địa chỉ: <https://dichvucong.vinhlong.gov.vn>.

Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ theo quy định và chuyển Sở Nông nghiệp và Môi trường xử lý.

b) Bước 2: Tiếp nhận, trả lời hồ sơ

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh kiểm tra thành phần hồ sơ và tiếp nhận hồ sơ đầy đủ thành phần; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thành phần thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: trong thời hạn 03 ngày làm việc tính từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh xem xét tính đầy đủ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh xem xét tính đầy đủ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Bước 3: Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt.

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản chấp thuận phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục IX hoặc văn bản không chấp thuận theo mẫu tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP gửi cho người được nhà nước giao đất, cho thuê đất.

11.2 Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

11.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP;
- Phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP;
- Sơ đồ mô tả vị trí sử dụng khối lượng đất mặt sau khi bóc tách.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

11.4 Thời hạn giải quyết:

Ban hành văn bản chấp thuận phương án sử dụng tầng đất mặt: 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

11.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân Người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất

11.6 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.
- Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

11.7 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản chấp thuận phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP;
- Văn bản không chấp thuận phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

11.8 Phí, lệ phí: Không.

11.9 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.
- Phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

11.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

11.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

Phụ lục VII
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN
SỬ DỤNG TẦNG ĐẤT MẶT
(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP
ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)

NGƯỜI ĐƯỢC NHÀ NƯỚC
GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ...tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Thẩm định Phương án sử dụng tầng đất mặt

Kính gửi:

1. Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất: ...

Địa chỉ: ...

Số điện thoại: ...

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/TCC: ... ngày cấp: ..., nơi cấp: ...

Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD nếu có số: ... ngày cấp: ..., nơi cấp: ...

2. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/huyện (thị xã/thành phố) thẩm định hồ sơ Phương án sử dụng tầng đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa để xây dựng công trình ...

(Phương án sử dụng tầng đất mặt và Sơ đồ mô tả vị trí sử dụng khối lượng đất mặt được bóc tách gửi kèm theo)

3. Nhận kết quả qua hình thức: Trục ☐ Điện tử ☐ Bưu chính ☐ tiếp

Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất... (ghi rõ tên) cam kết thực hiện đúng Phương án sử dụng tầng đất mặt và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai.

NGƯỜI ĐƯỢC NHÀ NƯỚC GIAO ĐẤT,
CHO THUÊ ĐẤT

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu có))

Phụ lục VIII**MẪU PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TẦNG ĐẤT MẶT***(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)***NGƯỜI ĐƯỢC NHÀ NƯỚC
GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ...tháng ... năm ...

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TẦNG ĐẤT MẶT

1. Tên người được nhà nước giao đất, cho thuê đất: ...

Địa chỉ: ...

Số điện thoại: ...

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/TCC: ... ngày cấp: ..., nơi cấp: ...

Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD nếu có số: ... ngày cấp: ..., nơi cấp: ...

2. Mục đích của việc chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa:

Chuyển đổi mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa để thực hiện công trình/dự án ...

3. Diện tích đất chuyên trồng lúa đề nghị chuyển đổi: ... ha.

4. Khối lượng đất mặt phải bóc tách: ... m³{Diện tích đất chuyên trồng lúa phải bóc tách m² x độ sâu tầng đất mặt phải bóc tách (m)}

5. Phương án sử dụng đất mặt:

a Sử dụng trong khuôn viên dự án: m³ (ghi rõ vị trí, địa điểm, diện tích sử dụng đất mặt).b Sử dụng ngoài khuôn viên dự án:m³ (ghi rõ vị trí, địa điểm, diện tích sử dụng đất mặt).

6. Mục đích sử dụng tầng đất mặt: ...

(Tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa chỉ được sử dụng vào mục đích nông nghiệp, gồm: tôn cao nền ruộng trũng thấp; tăng độ dày tầng canh tác; nâng cao chất lượng đất trồng lúa, cây hàng năm, cây lâu năm; trồng cây xanh; trồng hoa cây cảnh, cây dược liệu...)

Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất... (ghi rõ tên) cam kết thực hiện đúng phương án sử dụng tầng đất mặt và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin trên.

**NGƯỜI ĐƯỢC NHÀ NƯỚC GIAO ĐẤT,
CHO THUÊ ĐẤT**

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu có))

**Phụ lục IX
MẪU VĂN BẢN CHẤP THUẬN
PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TẦNG ĐẤT MẶT**

(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP
ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:
v/v.....

....., ngày ...tháng ... năm ...

Kính gửi:

Căn cứ quy định tại Nghị định số ... /... /NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thẩm định Phương án sử dụng tầng đất mặt của tổ chức/cá nhân ...;

Căn cứ vào kết quả thẩm định Phương án sử dụng tầng đất mặt của công trình/dự án...;

Ủy ban nhân dân tỉnh/huyện/thị xã/thành phố ...có ý kiến như sau:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh/huyện/thị xã/thành phố ... chấp thuận Phương án sử dụng tầng đất mặt của ... (ghi rõ tên). Trong đó diện tích đất chuyên trồng lúa phải bóc tách tầng đất mặt: ...ha.

2. Đề nghị ... (ghi rõ tên người được nhà nước giao đất, cho thuê đất) thực hiện đúng nội dung phương án sử dụng tầng đất mặt và báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh/huyện/thị xã/thành phố.

3. Các đơn vị ... (ghi rõ tên đơn vị) có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh/huyện/thị xã/thành phố ... theo dõi, kiểm tra, giám sát tổ chức/cá nhân thực hiện đúng nội dung Phương án sử dụng tầng đất mặt đã được chấp thuận.

Yêu cầu (ghi rõ tên người được nhà nước giao đất, cho thuê đất)... thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và các văn bản quy định khác có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ...**
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Phụ lục X
MẪU VĂN BẢN KHÔNG CHẤP THUẬN
PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TẦNG ĐẤT MẶT
(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP
ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
v/v.....

....., ngày ...tháng ... năm ...

Kính gửi:

Căn cứ quy định tại Nghị định số ... /... /NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ hồ sơ đề nghị thẩm định Phương án sử dụng tầng đất mặt của tổ chức/cá nhân ...;

Căn cứ kết quả thẩm định Phương án sử dụng tầng đất mặt của công trình/dự án...;

Ủy ban nhân dân tỉnh/huyện/thị xã/thành phố ... có ý kiến như sau:

Không chấp thuận Phương án sử dụng tầng đất mặt từ đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp để xây dựng công trình của (ghi rõ tên) ...;

Địa chỉ ...

Lý do không chấp thuận:

.....
.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ...**
(Ký, họ tên và đóng dấu)

II. CẤP HUYỆN

1. Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện (Mã TTHC: 1.012849.H61)

1.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất có nhu cầu xây dựng công trình trên đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận Một cửa của cấp huyện hoặc trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long địa chỉ: <https://dichvucong.vinhlong.gov.vn>).

b) Bước 2: Tiếp nhận, trả lời hồ sơ

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra thành phần hồ sơ và tiếp nhận hồ sơ đầy đủ thành phần; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thành phần thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: trong thời hạn 03 ngày làm việc tính từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ xem xét tính đầy đủ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ xem xét tính đầy đủ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Bước 3: Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt.

d) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành văn bản chấp thuận phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục IX hoặc văn bản không chấp thuận theo mẫu tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP gửi cho người được nhà nước giao đất, cho thuê đất.

1.2 Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

1.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP;

- Phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP;

- Sơ đồ mô tả vị trí sử dụng khối lượng đất mặt sau khi bóc tách.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4 Thời hạn giải quyết:

Ban hành văn bản chấp thuận phương án sử dụng tầng đất mặt: 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

1.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất .

1.6 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1.7 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản chấp thuận phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP;

- Văn bản không chấp thuận phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

1.8 Phí, lệ phí: Không.

1.9 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP;

- Phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

1.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

Phụ lục VII
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN
SỬ DỤNG TẦNG ĐẤT MẶT

(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)

NGƯỜI ĐƯỢC NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ...tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Thẩm định Phương án sử dụng tầng đất mặt

Kính gửi:

1. Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất: ...

Địa chỉ: ...

Số điện thoại: ...

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/TCC: ... ngày cấp: ..., nơi cấp: ...

Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD (nếu có) số: ... ngày cấp: ..., nơi cấp: ...

2. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/huyện (*thị xã/thành phố*) thẩm định hồ sơ Phương án sử dụng tầng đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa để xây dựng công trình ...

(Phương án sử dụng tầng đất mặt và Sơ đồ mô tả vị trí sử dụng khối lượng đất mặt được bóc tách gửi kèm theo)

3. Nhận kết quả qua hình thức: Trực ☐ Điện tử ☐ Bưu chính ☐ tiếp

Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất... (ghi rõ tên) cam kết thực hiện đúng Phương án sử dụng tầng đất mặt và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai.

NGƯỜI ĐƯỢC NHÀ NƯỚC
GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Phụ lục VIII**MẪU PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TẦNG ĐẤT MẶT***(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)*

NGƯỜI ĐƯỢC NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày ...tháng ... năm ...

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TẦNG ĐẤT MẶT

1. Tên người được nhà nước giao đất, cho thuê đất: ...

Địa chỉ: ...

Số điện thoại: ...

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/TCC: ... ngày cấp: ..., nơi cấp: ...

Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD nếu có số: ... ngày cấp: ..., nơi cấp: ...

2. Mục đích của việc chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa:

Chuyển đổi mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa để thực hiện công trình/dự án ...

3. Diện tích đất chuyên trồng lúa đề nghị chuyển đổi: ... ha.

4. Khối lượng đất mặt phải bóc tách: ... m³{Diện tích đất chuyên trồng lúa phải bóc tách (m²) x độ sâu tầng đất mặt phải bóc tách (m) }

5. Phương án sử dụng đất mặt:

a Sử dụng trong khuôn viên dự án: m³ (ghi rõ vị trí, địa điểm, diện tích sử dụng đất mặt).b Sử dụng ngoài khuôn viên dự án:m³ (ghi rõ vị trí, địa điểm, diện tích sử dụng đất mặt).

6. Mục đích sử dụng tầng đất mặt: ...

(Tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa chỉ được sử dụng vào mục đích nông nghiệp, gồm: *tôn cao nền ruộng trồng thấp; tăng độ dày tầng canh tác; nâng cao chất lượng đất trồng lúa, cây hàng năm, cây lâu năm; trồng cây xanh; trồng hoa cây cảnh, cây dược liệu...*)

Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất... (ghi rõ tên) cam kết thực hiện đúng phương án sử dụng tầng đất mặt và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin trên.

NGƯỜI ĐƯỢC NHÀ NƯỚC
GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ
và đóng dấu (nếu có))*

Phụ lục IX
MẪU VĂN BẢN CHẤP THUẬN
PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TẦNG ĐẤT MẶT

(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ...**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...
V/v...

....., ngày ...tháng ... năm ...

Kính gửi:

Căn cứ quy định tại Nghị định số ... /... /NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thẩm định Phương án sử dụng tầng đất mặt của tổ chức/cá nhân ...;

Căn cứ vào kết quả thẩm định Phương án sử dụng tầng đất mặt của công trình/dự án...;

Ủy ban nhân dân tỉnh/huyện/thị xã/thành phố ...có ý kiến như sau:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh/huyện/thị xã/thành phố ... chấp thuận Phương án sử dụng tầng đất mặt của ... (ghi rõ tên). Trong đó diện tích đất chuyên trồng lúa phải bóc tách tầng đất mặt: ...ha.

2. Đề nghị ... (ghi rõ tên người được nhà nước giao đất, cho thuê đất) thực hiện đúng nội dung phương án sử dụng tầng đất mặt và báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh/huyện/thị xã/thành phố.

3. Các đơn vị ... (ghi rõ tên đơn vị) có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh/huyện/thị xã/thành phố ... theo dõi, kiểm tra, giám sát tổ chức/cá nhân thực hiện đúng nội dung Phương án sử dụng tầng đất mặt đã được chấp thuận.

Yêu cầu (ghi rõ tên người được nhà nước giao đất, cho thuê đất) ... thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và các văn bản quy định khác có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ ...**

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Phụ lục X
MẪU VĂN BẢN KHÔNG CHẤP THUẬN
PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TẦNG ĐẤT MẶT

(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...
V/v...

....., ngày ...tháng ... năm ...

Kính gửi:

Căn cứ quy định tại Nghị định số ... /... /NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ hồ sơ đề nghị thẩm định Phương án sử dụng tầng đất mặt của tổ chức/cá nhân ...;

Căn cứ kết quả thẩm định Phương án sử dụng tầng đất mặt của công trình/dự án...;

Ủy ban nhân dân tỉnh/huyện/thị xã/thành phố ... có ý kiến như sau:

Không chấp thuận Phương án sử dụng tầng đất mặt từ đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp để xây dựng công trình của (ghi rõ tên) ...;

Địa chỉ ...

Lý do không chấp thuận:

.....

.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ ...**

(Ký, họ tên và đóng dấu)

2. Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện (Mã TTHC: 1.012850.H61)

2.1 Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày nhận quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: <https://dichvucong.vinhlong.gov.vn>).

b) Bước 2: Tiếp nhận, trả lời hồ sơ

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra thành phần hồ sơ và tiếp nhận hồ sơ đầy đủ thành phần; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thành phần thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: trong thời hạn 03 ngày làm việc tính từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ xem xét tính đầy đủ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ xem xét tính đầy đủ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ và xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được Bản kê khai hợp lệ, cơ quan nông nghiệp và môi trường cấp huyện thẩm định và ban hành văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa phải nộp tiền theo mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP gửi đến cơ quan tài chính cùng cấp để xác định số tiền phải nộp.

d) Bước 4: Cơ quan tài chính xác định số tiền phải nộp

Trong thời hạn 05 ngày, cơ quan tài chính cấp huyện căn cứ văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa của cơ quan nông nghiệp và môi trường cùng cấp, bảng giá loại đất trồng lúa tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định, cơ quan tài chính cấp huyện xác định số tiền phải nộp theo mẫu tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP gửi cơ quan tài nguyên và môi trường và người được nhà nước giao đất, cho thuê đất.

đ) Bước 5: Người được giao đất, cho thuê đất thực hiện nộp tiền

Trong thời hạn 30 ngày, người được nhà nước giao đất, cho thuê đất thực hiện trách nhiệm nộp tiền tại cơ quan kho bạc theo thông báo của cơ quan tài chính.

Sau 30 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo của cơ quan tài chính; người được nhà nước giao đất, cho thuê đất chưa nộp hoặc nộp chưa đủ số tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa thì phải nộp thêm tiền chậm nộp. Mức tính tiền chậm nộp và thời gian tính tiền chậm nộp được quy định như sau:

- Mức tính tiền chậm nộp bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền phải nộp để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa chậm nộp;

- Thời gian tính tiền chậm nộp được tính liên tục kể từ ngày tiếp theo ngày phát sinh tiền chậm nộp đến ngày liền kề trước ngày số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước;

- Người nộp tiền tự xác định số tiền chậm nộp theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều 13 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP và nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định. Người nộp tiền phải nộp tiền chậm nộp được miễn tiền chậm nộp trong trường hợp bất khả kháng như bị thiệt hại vật chất do gặp thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ.

2.2 Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

2.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Bản kê khai diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp theo mẫu tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4 Thời hạn giải quyết:

- Văn bản thông báo xác định số tiền phải nộp gửi người được nhà nước giao đất, cho thuê đất: 12 ngày, kể từ ngày nhận được Bản kê khai hợp lệ.

- Nộp tiền tại cơ quan kho bạc: 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan tài chính.

2.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất.

2.6 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan nông nghiệp và môi trường cấp huyện.

Cơ quan phối hợp thực hiện: Cơ quan tài chính cấp huyện.

2.7 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa phải nộp tiền theo mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

- Văn bản xác định số tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa theo mẫu tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

2.8 Phí, lệ phí: Không.

2.9 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Bản kê khai diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp theo mẫu tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

2.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

2.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

Phụ lục XI
MẪU BẢN KÊ KHAI DIỆN TÍCH ĐẤT CHUYÊN TRỒNG LÚA
CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP
(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng...năm...

BẢN KÊ KHAI
Diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển mục đích sử dụng sang
đất phi nông nghiệp

Kính gửi:

1. Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất kê khai: ...
2. Địa chỉ: ...
3. Tổng diện tích đất chuyên trồng lúa đề nghị chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp: ... ha
4. Địa điểm thu hồi đất:

Vị trí/Địa điểm đất	Diện tích (ha, m²)	Ghi chú
Vị trí 1: số thửa ...; số tờ bản đồ ...; xã (phường, thị trấn) ...; huyện (thị xã, thành phố) ...		
Vị trí 2: số thửa ...; số tờ bản đồ ...; xã (phường, thị trấn) ...; huyện (thị xã, thành phố) ...		
Vị trí 3: số thửa ...; số tờ bản đồ ...; xã (phường, thị trấn) ...; huyện (thị xã, thành phố) ...		
.....		
Tổng diện tích		

Đề nghị ... (cơ quan tài nguyên môi trường cấp tỉnh/huyện) xác định diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển sang mục đích phi nông nghiệp để... (ghi rõ tên người được nhà nước giao đất, cho thuê đất) làm căn cứ thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

NGƯỜI ĐƯỢC NHÀ NƯỚC GIAO
ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu có))

Phụ lục XII
MẪU VĂN BẢN XÁC NHẬN DIỆN TÍCH ĐẤT CHUYÊN TRỒNG LÚA
PHẢI NỘP TIỀN

(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)

CƠ QUAN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI
TRƯỜNG TỈNH/TP/QUẬN/HUYỆN/THỊ XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ...tháng ... năm ...

Kính gửi: Cơ quan tài chính

Căn cứ quy định tại Nghị định số ... /... /NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ vào Bản kê khai đề nghị xác định diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp của ... (ghi rõ tên cơ quan, người được nhà nước giao đất, cho thuê đất);

Cơ quan Tài nguyên và Môi trường (cấp tỉnh/huyện) ... xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp để thực hiện công trình/dự án ... (ghi rõ tên công trình) là...ha, thuộc địa điểm ... (ghi rõ địa điểm diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển đổi).

Cơ quan Tài nguyên và Môi trường (cấp tỉnh/huyện) gửi cơ quan Tài chính (cấp tỉnh/huyện) làm căn cứ xác định số tiền phải nộp của cơ quan, người được nhà nước giao đất, cho thuê đất.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT.

CƠ QUAN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH/TP/QUẬN/ HUYỆN/THỊ XÃ

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Phụ lục XIII
MẪU VĂN BẢN XÁC ĐỊNH SỐ TIỀN ĐỂ NHÀ NƯỚC BỔ SUNG DIỆN
TÍCH ĐẤT CHUYÊN TRỒNG LÚA BỊ MẤT HOẶC TĂNG HIỆU QUẢ
SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA

(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)

CƠ QUAN TÀI CHÍNH
TỈNH/TP/QUẬN/HUYỆN/TX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ...tháng ... năm ...

V/v thông báo số tiền phải nộp
 để nhà nước bổ sung diện tích
 đất chuyên trồng lúa bị mất
 hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất
 trồng lúa

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số ... /... /NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố về mức thu, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa;

Căn cứ văn bản số ... (Cơ quan Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh/huyện);

Cơ quan Tài chính cấp tỉnh/huyện thông báo số tiền phải nộp, như sau:

1. Tên cơ quan/người được nhà nước giao đất, cho thuê đất phải nộp tiền:

...

2. Số tiền phải nộp: ... đồng

(Bằng chữ:).

Số tiền = Diện tích ha x giá đất đồng x tỷ lệ nộp % theo quyết định số..., ngày...tháng... năm ...của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản này, ... (tên cơ quan/người được nhà nước giao đất, cho thuê đất) có trách nhiệm nộp số tiền nêu trên tại Kho bạc Nhà nước theo Tài khoản: ...; Chương: ... (là chương của đơn vị nộp tiền nếu có); tiểu mục:

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh/huyện;
- Cục thuế tỉnh/huyện;
- Lưu: VT.

CƠ QUAN TÀI CHÍNH
TỈNH/TP/QUẬN/ HUYỆN/THỊ XÃ
 (Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

IV. CẤP XÃ

1. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa (Mã TTHC: 1.008004.000.00.00.H61)

1.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Người sử dụng đất trồng lúa có nhu cầu chuyển đổi sang trồng cây lâu năm, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu chính hoặc trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: <https://dichvucong.vinhlong.gov.vn>) đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Bước 2: Tiếp nhận, trả lời hồ sơ

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra thành phần hồ sơ và tiếp nhận hồ sơ đầy đủ thành phần; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thành phần thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: trong thời hạn 03 ngày làm việc tính từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét tính đầy đủ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét tính đầy đủ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét sự phù hợp của Bản Đăng ký với Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa hằng năm của cấp xã:

- Trường hợp Bản Đăng ký phù hợp với Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa hằng năm của cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành văn bản chấp thuận cho phép chuyển đổi theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP gửi cho người sử dụng đất trồng lúa đăng ký;

- Trường hợp Bản Đăng ký không phù hợp với Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa hằng năm của cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản theo mẫu Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐCP gửi cho người sử dụng đất trồng lúa.

1.2 Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

1.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Bản Đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**1.4 Thời hạn giải quyết:**

Ban hành văn bản chấp thuận cho phép chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

1.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân (Người sử dụng đất trồng lúa).

1.6 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

1.7 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản chấp thuận chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP;

- Văn bản không chấp thuận bản đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo mẫu Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

1.8 Phí, lệ phí: Không.

1.9 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản Đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa.

1.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

1.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

Phụ lục IV
MẪU BẢN ĐĂNG KÝ CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI
TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA

(Kèm theo Nghị định số 112 /2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

BẢN ĐĂNG KÝ
CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI
TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn): ...

1. Tên người sử dụng đất trồng lúa: ...
2. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/TCC: ... ngày cấp: ..., nơi cấp: ...
 Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD (nếu có) số: ... ngày cấp: ..., nơi cấp: ...
3. Địa chỉ: Số điện thoại: ...
4. Diện tích chuyển đổi/tổng diện tích đất trồng lúa: (m²/ha)/... (m²/ha),
 thuộc thửa đất số: ..., tờ bản đồ số: ...
5. Mục đích chuyển đổi.
 - a) Sang trồng cây lâu năm:
 - Chuyển đổi từ đất 1 vụ lúa/năm: Tên loại cây trồng..., tổng số năm: ...
 - Chuyển đổi từ đất lúa nương: Tên loại cây trồng..., tổng số năm: ...
 - b) Sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản:
 - Chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa: Loại thủy sản ..., tổng số năm: ...
 - Chuyển đổi từ đất trồng lúa còn lại:
 - + Chuyển đổi từ đất 1 vụ lúa/năm: Loại thủy sản ..., tổng số năm: ...
 - + Chuyển đổi từ đất lúa nương: Loại thủy sản ..., tổng số năm: ...
6. Nhận kết quả qua hình thức: Trực tiếp ☐ Điện tử ☐ Bưu chính ☐
7. (tên người sử dụng đất trồng lúa) cam kết thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 6 của Nghị định.../2024/NĐ-CP ngày...tháng ...năm ... và các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA
 (Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))

Phụ lục V
MẪU VĂN BẢN CHẤP THUẬN CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG,
VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA
(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...
 V/v...

....., ngày ...tháng ... năm ...

Kính gửi:

Căn cứ quy định tại Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ Kế hoạch thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa của Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) năm ...;

Căn cứ vào Bản đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa của

Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) ... có ý kiến như sau:

Chấp thuận cho... (ghi rõ tên người sử dụng đất trồng lúa);

Địa chỉ: ...

Được chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa, cụ thể:

1. Diện tích chuyển đổi: ... ha, thuộc thửa đất số: ..., tờ bản đồ số: ...
2. Mục đích chuyển đổi:
-
3. Tổng số năm chuyển đổi:

Yêu cầu (ghi rõ tên người sử dụng đất trồng lúa) ... thực hiện đúng các nội dung tại văn bản này; quá trình thực hiện phải tuân thủ theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 6 của Nghị định số.../2024/NĐ-CP ngày... tháng... năm... và các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Phụ lục VI**MẪU VĂN BẢN HỒNG CHẤP THUẬN BẢN ĐĂNG KÝ CHUYỂN ĐỔI
CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA***(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ***ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

....., ngày ...tháng ... năm ...

V/v...

Kính gửi:

Căn cứ quy định tại Nghị định số ... /... /NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa và các quy định khác của pháp luật liên quan;

Căn cứ Kế hoạch thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa của Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) năm ...;

Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) ...có ý kiến như sau:

Không chấp thuận Bản đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa của ... (ghi rõ tên của người sử dụng đất trồng lúa).

Địa chỉ: ...

Lý do không chấp thuận:

Yêu cầu ... (ghi rõ tên người sử dụng đất trồng lúa) thực hiện đúng theo văn bản này và các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN**
(Ký, họ tên và đóng dấu)